

Số: **67/2024/HNGĐ - ST.**

Ngày: **04/09/2024**

V/v: *Ly hôn giữa chị Lê Thị Thu V  
và anh Lê Doãn P*

**NHÂN DANH**  
**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Mạnh Thành***

***Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Anh***

***2. Bà Trần Thị Kim Dung***

***Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Th- ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.***

***Đại diện VKSND quận Hoàng Mai: Ông Hoàng Thanh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.***

Ngày 04/09/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 521/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2024 về tranh chấp: Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXX-ST ngày 22/7/2024 giữa các đ- ơng sự:

**\* Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu V - sinh năm: 1979;**

***HKTT và chỗ ở: Tổ X, phường T, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.***

**\* Bị đơn: Ông Lê Doãn P - sinh năm: 1977;**

***HKTT: Tổ X, phường T, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;***

***Hiện đang ở: Thiên Viện T, Ấp C, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;***

***(Có mặt chị V, vắng mặt ông P).***

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án bà Lê Thị Thu V trình bày:**

- Về tình cảm: Bà Lê Thị Thu V, ông Lê Doãn P lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Đây là lần kết hôn đầu tiên của ông bà.

Sau khi kết hôn bà V, ông P chung sống tại Tổ 17, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Bà V, ông P chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp năm 2019 ông P đã xuất gia tu Phật. Ông Lê Doãn P thường xuyên vắng nhà do tu tập tại Thiền viện T, số C, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai không quan tâm đến gia đình. Bà V, ông P sống ly thân từ năm 2019 đến nay, do vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn bà V có nguyện vọng xin ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà V, ông P có 01 con chung là cháu Lê Doãn Đ - sinh ngày 18/08/2012. Ly hôn, bà V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: (Động sản và bất động sản): Ông P, bà V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P, bà V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà V tự nguyện đóng án phí ly hôn sơ thẩm.

**\* Tại bản tự khai ngày 29 tháng 7 năm 2024 của ông Lê Doãn P trình bày:**

Ngày 25 tháng 11 năm 2003, ông P và bà Lê Thị Thu V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông P, bà V chung sống với nhau hạnh phúc; nhiều năm gần đây ông P có quan điểm sống khác và đã xuất gia tu Phật, thường xuyên vắng nhà để đi tu tập tại Thiền viện Thường Chiếu, Ấp 1C, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Xét thấy hôn nhân không đạt được, chúng tôi thống nhất xin tòa cho ly hôn tuy nhiên do tôi hay vắng nhà nên vợ tôi khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với tôi là hoàn toàn phù hợp. Ông P hoàn toàn đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà V, ông P có 01 con chung là cháu Lê Doãn Đ - sinh ngày 18/08/2012. Ly hôn, ông P, bà V thỏa thuận là bà V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và ông P không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: (Động sản và bất động sản): Ông P, bà V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P, bà V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P xin vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, bà V vẫn giữ nguyên các yêu cầu nh- đã trình bày.

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Lê Doãn P theo quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Lê Doãn P đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ông P có gửi bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và chọn Tòa án quận Hoàng Mai để giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ điều 227, điều 228 bộ luật TTDS năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt ông P.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa bà V, ông P theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 bộ luật tố tụng dân sự. Việc thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 243 đến điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 Bộ luật hình sự 2015. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, điều 72 Bộ luật dân sự 2015. Thời hạn xét xử trong thời hạn luật định.

Sau khi phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, điều 21, khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V được ly hôn với ông P. Xác nhận bà V, ông P 01 con chung là cháu Lê Doãn Đ - sinh ngày 18/08/2012. Ly hôn, giao cháu Đ cho chị Vân trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với ông P. Tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ pháp lệnh, án phí và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội, bà V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhận định:***

**Về tố tụng:** Ngày 22/7/2024 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa Bà Lê Thị Thu V, ông Lê Doãn P theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Lê Doãn P theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015, ông Lê Doãn P đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ông P đã gửi bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ điều 227, điều 228 bộ luật TTDS năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt ông P.

- Về tình cảm: Bà Lê Thị Thu V, ông Lê Doãn P lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn bà V, ông P chung sống tại Tổ 17, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Bà V, ông P chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp ông P đã xuất gia tu Phật. Ông Lê Doãn P thường xuyên vắng nhà do tu tập tại Thiền viện Thường Chiếu, số 1C, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không, bà V có nguyện vọng xin ly hôn với ông P.

Xét yêu cầu ly hôn của bà V, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm từ hai phía. Khi tình cảm không còn thì việc duy trì hôn nhân là không cần thiết bởi ông P đã xuất gia tu Phật, không quan tâm đến gia đình một thời gian dài nên việc đoàn tụ là rất khó. Về phía ông P cũng đồng ý ly hôn, khi bà V nộp đơn xin ly hôn tại tòa án quận Hoàng Mai. Qua đó ông P không thể hiện ý chí nguyện vọng, không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà V đã được Tòa án động viên rút đơn để về đoàn tụ nhưng bà V vẫn cương quyết ly hôn. Do vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông P đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V là có cơ sở, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Bà V, ông P có 01 con chung là cháu Lê Doãn Đ - sinh ngày 18/08/2012. Ly hôn, chị Vân có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà V có nguyện vọng nuôi cháu Đ là phù hợp. Bởi từ khi ông P xuất gia tu Phật, không quan tâm đến gia đình, một mình bà V chăm sóc, nuôi dạy cháu Đ. Do vậy giao cháu Đ cho bà V là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông P.

- Về tài sản chung: Động sản và bất động sản: Ông P, bà V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P, bà V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà V tự nguyện đóng án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên!***

## QUYẾT ĐỊNH

### Căn cứ :

- Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ điều 21, khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 277, điều 278, điều 177, điều 179, điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội.

### Xử:

**1. Về tình cảm:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V. Bà Lê Thị Thu V đ-ợc ly hôn ông Lê Doãn P.

**2. Về con chung:** Xác nhận bà Lê Thị Thu V, ông Lê Doãn P có 01 con chung là cháu Lê Doãn Đ - sinh ngày 18/08/2012. Ly hôn, Giao cháu Đ cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông P, cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định khác.

*Ông Lê Doãn P đ-ợc quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai đ-ợc ngăn cản.*

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (Bà V đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số: 0033562 ngày 19/7/2024 của chi cục thi hành án quận Hoàng Mai).

*(Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà V, vắng mặt ông P)*

- Bà V đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

- Ông P đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

### **Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Đ-ơng sự;
- L- u.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Quách Mạnh Thành**